

Bản án số: 143/2026/HS-PT
Ngày 14 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Phan Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 195/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q, do có kháng cáo của bị các cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Trần Thành T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1991, tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực 3, phường Vị T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình Đ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công Th và bà Lê Thị Thu Tr; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Bị cáo Lê Lâm P, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002, tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực 9, phường Vị T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình Đ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tân X (chết) và bà Dương Cẩm Y; có vợ: Trương Thị Mỹ D, sinh năm 2008 và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Bị cáo Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2006, tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Vị T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình Đ

văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thanh N; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Bị cáo Hồ Hoàn N, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2003, tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Vị T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm vườn; trình Đ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn W và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Bị cáo Lê Xuân Q, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2005, tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Vị T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình Đ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân F và bà Nguyễn Thị G; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Ngoài ra, còn có các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Văn Đ, Lê Thành X và Trương Vĩ K không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn C, ông Lê Văn P, bà Bùi Thị F và người chứng kiến ông Lê Minh Ô.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 14/7/2025, Phạm Đình W ngồi uống cà phê tại Công viên đường Võ Văn T thuộc Khu vực C, phường Vị T, thành phố Cần Thơ cùng với Nguyễn Trần Kim Ê, Lưu Hoàng S, Huỳnh Thị Thanh M, Huỳnh Thị O, Nguyễn Văn B và Bả Ngọc U thì nhận được tin nhắn của Phạm Văn I (tên gọi khác là Ti) cho thuê xe chung với W, nội dung “*Chiều anh M có xe của anh Q, bỏ đây đi xa xa không à, còn mấy chiếc xe nhà thì để đi gần gần*”. Khi nghe Hoài nói vậy thì W có nhắn tin Zalo cho M để hỏi rõ vụ việc, nhưng nhắn được 02 – 03 tin thì xảy ra mâu thuẫn. Do nóng giận nên W có nhắn tin đòi chém, đòi đánh M và hai bên tiếp tục nhắn tin qua lại thách thức nhau. Đến khoảng 21 giờ, Nguyễn Hoàng Q là người làm ăn chung với W và M có nhắn tin Zalo cho W nội dung: Lý do vì sau xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với M. W trả lời: Em xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với anh M do em nghe có người nói lại. M nói xe của anh thì em cho đi xa, còn xe của em thì cho đi gần. Q tiếp tục nói: Hai bên ai cũng xin hết rồi, chắc có hiểu lầm, để có gì anh nói chuyện lại với anh M, nói xong thì hai người không nhắn tin với nhau nữa.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Trần Thành T và Phạm Thành W hẹn nhau ra quán “*Sữa nóng*” nằm trên đường Nguyễn Thái Học, phường Vị T, thành phố Cần Thơ để nói chuyện. Lúc này, Trần Thành T đang ngồi ở quán cà phê MT91 của mình thuộc đường Nguyễn An Ninh, phường Vị T, thành phố Cần Thơ cùng với Nguyễn Hoàng Q, thấy M hẹn nhau với W thì Q bỏ đi ăn. Ngay sau đó, M gọi điện thoại cho

Nguyễn Trần Phong Z về đi công chuyện với M do có người đòi chém, đòi đánh M nên Z đồng ý, khoảng 10 đến 15 phút sau thì Z về đến. Trong lúc đợi Z về thì có Phan Văn Đ, Lê Xuân Q, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Hồ Đăng Kh, Lê Thành X, Trương Vĩ K, Nguyễn Văn N, Hồ Hoàn N đến quán của M. Tại đây, M có nói với Đ việc xảy ra mâu thuẫn với W trong việc cho thuê xe, hiện tại bị W đe dọa đòi chém, đòi đánh và M đưa tin nhắn thể hiện nội dung mâu thuẫn cho Đ xem. Lúc này, những người đi chung Đ cũng biết được mâu thuẫn của M với W.

Ngay sau đó, M nói với Đ nội dung W hẹn gặp mặt ở quán Sữa nóng để nói chuyện giải Quyết mâu thuẫn. Sau khi nghe M nói vậy thì Đ và những người còn lại cũng đi theo để hỗ trợ M. Cả nhóm xuất P từ quán cà phê MT91 đến quán sữa nóng khi đi thì Tấn P điều khiển xe chở Đ, N điều khiển xe chở Kh, X điều khiển xe chở Q, Kh điều khiển xe chở Nam, Z điều khiển xe chở M đi đến quán Sữa nóng thì không gặp W. Tại đây M tiếp tục gặp Lê Lâm P và Lê Văn Ph. Khi gặp M, P hỏi có chuyện gì thì M kể lại sự việc W đòi đâm, đòi chém mình cho P, Ph nghe đồng thời nói W hẹn ra quán để giải Quyết mâu thuẫn nhưng không gặp. Lúc này M nói W tiếp tục hẹn qua Công viên đường Võ Văn Tần để giải Quyết mâu thuẫn. Do là chỗ anh em nên P và Ph cùng đi theo hỗ trợ M, sau đó M sang xe cho Lâm P chở, còn Ph thì điều khiển xe chở đến nơi thì M thấy W đang ngồi uống cà phê cùng với Nh, S, Thanh M, O, Bản và U. Vừa đậu xe lại thì nhóm của M cầm nón bảo hiểm chạy lại định đánh W nhưng được mọi người can ngăn. M đi đến gặp W nói chuyện phải trái với nhau, trong lúc nói chuyện thì W có chủ Đng xin lỗi M do hiểu lầm, tuy Nh M không trả lời mà đi ra xe ngồi.

Lúc này Lê Lâm P đến hỏi M *“Rời tính sau anh, M nói đánh nó cái đi rồi về”*, nghe M nói vậy thì P quay lại cầm nón bảo hiểm ném về phía W. Cùng lúc này nhóm của M có nhiều người xông vào dùng tay, chân đánh và dùng nón bảo hiểm ném W. Cụ thể: Đ dùng nón bảo hiểm ném W nhưng không xác định được có trúng không, X dùng chân đạp W nhưng không trúng, K dùng tay đánh trúng vào lưng của W hai đến ba cái, N đuổi đánh W nhưng không trúng, Q dùng tay phải đánh trúng hai cái vào lưng và vai của W, Tấn P dùng tay đánh trúng hai cái vào lưng của W, Lâm P tiếp tục dùng chai xịt muỗi ném W nhưng không trúng, Nam dùng tay đánh W nhưng không trúng. Còn Z, Ph, Kh thấy nhóm của mình đông người hơn nhóm của W và sợ bị xử lý nên không tham gia đánh W, cũng không hò hét, rượt đuổi chỉ đứng nhìn đồng thời có kêu nhóm của mình dừng lại nhưng không ai nghe. Khi được mọi người can ngăn thì W bỏ chạy ra phía sau bãi xe, lúc này Đ, Q và một số người khác đuổi theo chửi, la hét, kêu W đứng lại nhưng W chạy thoát. Khoảng 15 phút sau thì M kêu nhóm của mình giải tán, sự việc kết thúc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2026/HS-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ Quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Trần Thành T, Phan Văn Đ, Lê Thành X, Trương Vĩ K, Nguyễn Văn N, Lê Xuân Q, Nguyễn Tấn P, Lê Lâm P và Hồ Hoàn N phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Trần Thành T.

Xử phạt bị cáo Trần Thành T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Lê Lâm P.

Xử phạt bị cáo Lê Lâm P 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Nguyễn Tấn P.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Hồ Hoàn N.

Xử phạt bị cáo Hồ Hoàn N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Lê Xuân Q.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân Q 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Phan Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phan Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ tại địa phương. Gia đình bị cáo Phan Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 96 của Luật Thi hành án hình sự.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ tại địa phương. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 96 của Luật Thi hành án hình sự.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Lê Thành X.

Xử phạt bị cáo Lê Thành X 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thành X cho Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ tại địa phương. Gia đình bị cáo Lê Thành X có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 96 của Luật Thi hành án hình sự.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Trương Vĩ K.

Xử phạt bị cáo Trương Vĩ K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trương Vĩ K cho Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành án cải tạo không giam giữ tại địa phương. Gia đình bị cáo Trương Vĩ K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩ T, thành phố Cần Thơ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 96 của Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và Qền kháng cáo của các bị cáo và người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Q định của pháp luật.

Ngày 27/7/2026, bị cáo Trần Thành T có đơn kháng cáo một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2026/HS-ST ngày 15/7/2026 nêu trên, bị cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

Ngày 28/7/2026, các bị cáo Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q cùng có đơn kháng cáo một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2026/HS-ST ngày 15/7/2026 nêu trên, các bị cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo và các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để nộp cho Tòa án. Riêng bị cáo Nguyễn Tấn P có nộp cho Tòa án xác định ông Nguyễn Văn Br là ông nội, có công với cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025) – Viết tắt là Bộ luật TTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ đối với các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét thấy, Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thành T lập ngày 27/7/2026 và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 28/7/2026. Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q lập cùng ngày 28/7/2026 và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày là còn trong thời hạn kháng cáo và về người kháng cáo, hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với Q định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật TTHS. Do đó, kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và W hành xét xử phúc thẩm theo Q định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo, việc thừa nhận của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan W hành tố tụng cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 14/7/2025, tại Công viên đường Võ Văn T thuộc Khu vực C, phường Vị T, thành phố Cần Thơ, các bị cáo Trần Thành T, Phan Văn Đ, Lê Thành X, Trương Vĩ K, Nguyễn Văn N, Lê Xuân Q, Nguyễn Tấn P, Lê Lâm P và Hồ Hoàn N tụ tập đông người, la hét, rượt đuổi đánh Phạm Đình W tại Công viên đường Võ Văn T nằm trong khu dân cư, trực tiếp gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm xáo trộn, đe dọa phá vỡ kỷ cương chung, gây hoang mang, lo sợ, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân tại khu vực nơi xảy ra vụ việc. Chính vì vậy, Hội

đồng xét xử cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q và một số bị cáo khác phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Q định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) – Viết tắt là Bộ luật HS là có căn cứ, đúng Q định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q về việc xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo. Lý do: Các bị cáo đã ân hận với những gì đã gây ra, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú ổn định, có công việc ổn định tại địa phương; không có tiền án, tiền sự; hiểu biết pháp luật còn hạn chế; riêng bị cáo Trần Thành T có ông nội là Liệt sĩ và khắc phục cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Tấn P có ông nội là người có công với cách mạng. Xét thấy, khi W hành xét xử, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như *“Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được Q định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật HS; bị cáo Trần Thành T và Phan Văn Đ có nhân thân là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Q định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật HS”*. Mặc dù, khi kháng cáo Trần Thành T cho rằng đã khắc phục cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, nhưng trong vụ án này khách thể bị xâm phạm trực tiếp là trật tự, an toàn và an ninh chung chung của xã hội, do đó không có cá nhân nào là bị hại, nên không thể khắc phục được bằng tiền. Riêng bị cáo Nguyễn Tấn P có cung cấp tài liệu chứng minh ông nội là ông Nguyễn Văn Br là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, nên cần áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Q định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật HS cho bị cáo. Tuy Nh, thấy rằng các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Q định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); riêng bị cáo M và bị cáo Tấn P có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Q định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật HS. Đồng thời, thiệt hại các bị cáo gây ra là chưa đáng kể, các bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng. Thấy rằng các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như vừa nêu trên để Qết định xử phạt bị cáo Trần Thành T mức án 04 tháng tù và các bị cáo Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q mỗi bị cáo 03 tháng tù là chưa cần thiết đối với các bị cáo. Đồng thời, nếu chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền sẽ không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên, có cơ sở xác định kháng cáo của các bị cáo về việc xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là

không có căn cứ để chấp nhận; còn việc các bị cáo xin được hưởng án treo là có căn cứ, đảm bảo đúng Q định tại Điều 65 của Bộ luật HS và Điều 2 của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận đề sửa bản án hình sự sơ thẩm; việc sửa án sơ thẩm, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị áp dụng Điều 356 của Bộ luật TTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ đối với các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q là chưa phù hợp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Q định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật TTHS và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025). **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền của các bị cáo và chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q.

2. Giữ nguyên phần Quyết định về mức hình phạt tù đối với các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q trong Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm vừa nêu là cho các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q hưởng án treo. Án được tuyên lại như sau:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); căn cứ Điều 2 của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Trần Thành T.

- Xử phạt bị cáo Trần Thành T 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 14/9/2026.

- Giao bị cáo Trần Thành T cho Ủy ban nhân dân phường Vị T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); căn cứ Điều 2 của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lê Lâm P.

- Xử phạt bị cáo Lê Lâm P 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 14/9/2026.

- Giao bị cáo Lê Lâm P cho Ủy ban nhân dân phường Vị T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); căn cứ Điều 2 của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Tấn P.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 14/9/2026.

- Giao bị cáo Nguyễn Tấn P cho Ủy ban nhân dân xã Vị T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); căn cứ Điều 2 của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q.

- Xử phạt bị cáo Hồ Hoàn N 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 14/9/2026.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân Q 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 14/9/2026.

- Giao các bị cáo Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q cho Ủy ban nhân dân xã Vị T, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Qết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị Qết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thành T, Lê Lâm P, Nguyễn Tấn P, Hồ Hoàn N và Lê Xuân Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Qết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ (01);
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (01);
- CQTHAHS Công an thành phố Cần Thơ (01);
- PHSNV Công an thành phố Cần Thơ (01);
- Phòng GD, KT, TTr, THA TA Cần Thơ (01);
- TAND khu vực 11 – Cần Thơ (02);
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ (01);
- UBND phường Vị Thanh, TP Cần Thơ (01);
- UBND phường Vị Tân, TP Cần Thơ (01);
- UBND xã Vị Thủy, TP Cần Thơ (01);
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ (01);
- Bị cáo (05).
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn